

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Số: 760/2022/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố H, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 789/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989; địa chỉ: 141 K, phường B, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Lê Thị H**, sinh năm 1991; địa chỉ: 141 K, phường B, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T (nay là phường B), Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/11/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay gây gổ, mâu thuẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt. Anh P và chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 21/4/2013 và cháu Nguyễn Lê Tuấn Đ, sinh ngày 11/3/2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị H. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao hai cháu Nguyễn Lê Tuấn A và Nguyễn Lê Tuấn Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Anh P, chị H đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0006493 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H nên không phải nộp nữa.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 23/11/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 21/4/2013 và cháu Nguyễn Lê Tuấn Đ, sinh ngày 11/3/2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị H. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao hai cháu Nguyễn Lê Tuấn A và Nguyễn Lê Tuấn Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Anh P, chị H đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0004693 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H nên không phải nộp nữa.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường T, (nay là phường B) Thành phố H (tại số 128 ngày 26/11/2012);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hương Lan**